Bài 1: Nêu các nghiệp vụ phát sinh tại Cty Y theo quy trình nhập khẩu trực tiếp hàng X bao gồm:

1. Mua ngoại tệ chuyển vào ngân hàng làm thủ tục LC

2. Lô hàng nhập khẩu được cập cảng, công ty nộp thuế cho lô hàng bằng chuyển khoản VNĐ (thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế GTGT).

3. Chuyển lô hàng lên cảng. Chi phí bốc dỡ

4. Nhập kho lô hàng, chi phí vận chuyển.

5. Xuất kho lô hàng bán thu ngoại tệ.

6. Ngân hàng thông báo đã thanh toán cho bên xuất khẩu bằng LC. Phí ngân hàng.

Bài 2: Định khoản bài 1 biết tỷ giá ngoại tệ xuất được tính theo phương pháp nhập trước-xuất trước.

**Câu 3** *(2điểm)*Công ty CD kinh doanh hàng hoá, tính thuế GTGT theo PP *khấu trừ*, kế toán HTK theo PP KKĐK. Có tài liệu như sau (đơn vị: 1.000đ)

*I- Dư đầu tháng 10/200N:* TK 1561:192000 (6.000 SP K); TK 1562: 600; TK 151: 43.500 (1.500 SP K)

*II -Trong tháng 10 có tình hình thu mua và bán hàng hoá K như sau:*

1. Mua 4.500 SP K; giá thanh toán 33 /SPK (cả thuế GTGT 10%). Công ty đã trả bằng chuyển khoản và được hưởng chiết khấu 2.700bằng tiền mặt.
2. Mua 9.000 SPK; giá hoá đơn cả thuế GTGT 10%: 44/SPK, Công ty đã thanh toán tiền hàng bằng chuyển khoản.
3. Nhập kho lô hàng đi đường tháng trước.
4. Tổng chi phí mua hàng phát sinh trong tháng là 9.000 chi 50% bằng tiền mặt; 50% bằng tiền tạm ứng.
5. Bán tại kho 8.250 SPK thu bằng tiền mặt, giá bán chưa thuế 50/SPK ( thuế GTGT 10%).
6. Bán theo phương thức chuyển hàng 6.000 SPK. Cuối tháng khách hàng đã trả đủ theo giá thanh toán 88 /SPK (cả thuế GTGT 10%).

*III- Kiểm kê hàng hoá cuối tháng 10*: Hàng tồn tại kho công ty: 3.000 SPK; Hàng gửi bán cuối tháng chưa nhận được thông báo của khách hàng 750 SP K; Hàng gửi đại lý: 3.000 SPK

**Yêu cầu:** Phân bổ chi phí mua hàng theo tiêu thức số lượng.

**Câu 4***:* Căn cứ vào tư liệu câu 3 hãy định khoản các nghiệp vụ phát sinh. Biết rằng: Phương pháp tính giá hàng hoá xuất theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ.

**Câu 5:** Công ty Ngọc Dung tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có tình hình như sau: (đơn vị: 1.000đ)

*Đầu tháng 9/N:* Trị giá hàng "M" tồn kho: 60.000; Trị giá hàng "M" đang đi đường: 75.000.; Trị giá hàng "M" gửi bán: 45.000.

*Trong tháng 9 có các nghiệp vụ phát sinh như sau*:

* 1. Tiền thu bán hàng trong tháng theo giá đã có thuế GTGT 10%: 3.630.000; Trong đó: thu bằng tiền mặt: 150.000; thu bằng CK: 2.650.000; cho khách hàng nợ: 830.000.
  2. Chấp nhận cho khách hàng trả lại một lô hàng đã bán ở tháng trước: giá thanh toán cuả lô hàng đã có thuế GTGT 10%: 99.000; trị giá mua: 60.000. Công ty trả lại tiền cho khách hàng bằng tiền mặt 11.000; còn lại trả bằng chuyển khoản.
  3. Tổng hợp các hoá đơn mua hàng "M" trong kỳ (đã có thuế GTGT 10%): Hoá đơn trả bằng tiền mặt: 276.000. Hoá đơn trả bằng chuyển khoản: 594.000. Hoá đơn chưa trả tiền: 900.000. Hoá đơn trả bằng tiền vay ngắn hạn: 1.200.000.

*Trị giá hàng "M" tồn cuối kỳ*: Trị giá hàng "M" đang đi đường: 240.000; -Trị giá hàng "M" tồn kho: 120.000; -Trị giá hàng "M" gửi bán: 180.000.

***Yêu cầu:*** Định khoản các nghiệp vụ phát sinh.

**Câu 6:** Công ty **TQ** tính thuế GTGT theo PP khấu trừ, kế toán HTK theo phương pháp KKTX,

*Số dư của một số tài khoản đầu tháng 8 /N như sau::*

- TK 007 (Tại quỹ): 12.000 USD; TK 007 (Gửi ngân hàng): 86.000 USD; - TK 331 (Công ty E - Dư Nợ): 15.000 USD; Tỷ giá thực tế đầu tháng 20.600VND/USD

*Trong tháng 8/N có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau: :*

1. Chuyển khoản tiền cho Công ty E theo hợp đồng nhập khẩu uỷ thác đã ký 40.000 USD . Tỷ giá thực tế trong ngày là 20.700VND/USD.
2. Công ty E hoàn tất việc nhập khẩu hàng theo hợp đồng uỷ thác, giá trị lô hàng theo giá CIF là 60.000 USD. Thuế suất thuế nhập khẩu 30%, thuế TTĐB hàng nhập khẩu 25%, thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu 10%. Tỷ giá thực tế trong ngày 20.800 VND/USD, tỷ giá tính thuế của hải quan là 20.650 VND/USD. Công ty E đã nộp hộ các khoản thuế bằng chuyển khoản VND. Lô hàng đã nhập kho Công ty E.
3. Chuyển cho Công ty E bằng chuyển khoản VND số tiền của các khoản thuế liên quan đến hàng nhập khẩu.
4. Nhập kho lô hàng do Công ty E bàn giao. Hoá đơn GTGT do Công ty E phát hành bao gồm giá trị lô hàng, thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế GTGT hàng nhập khẩu. Tỷ giá thực tế trong ngày là 20.950VND/USD. Hoá đơn GTGT hoa hồng uỷ thác 5% giá trị lô hàng. Hoá đơn GTGT vận chuyển do Công ty E chi hộ 8.800, trong đó thuế GTGT 10%.
5. Thanh toán hoa hồng uỷ thác và các khoản được chi hộ cho Công ty E bằng chuyển khoản VND.

***Yêu cầu:***  - Định khoản các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty **TQ**, biết Công ty sử dụng tỷ giá thực tế trong quy đổi ngoại tệ và xác định ngoại tệ giảm theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.

**Câu 7:**Một DN xây lắp có hoạt động bảo hành công trình N như sau (đ/vị: 1.000đ):

1- Vật liệu xuất kho 15.000; vật liệu mua dùng trực tiếp theo giá có thuế GTGT 10% là 11.000 trả bằng TGNH; chi phí vận chuyển vật liệu có thuế GTGT 5% 6.300 chưa thanh toán.

2- Tiền lương công nhân bảo hành 22.000, nhân viên quản lý đội bảo hành 12.000.

3- Trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo tỷ lệ quy định.

4- Chi phí khấu hao TSCĐ 8.000

5- Chi phí máy thi công thuê ngoài là 6.600 trong đó thuế GTGT 10%, chưa trả tiền.

6- Chi phí khác bằng tiền mặt cho công trình N 12.000

7- Cuối kỳ công việc bảo hành công trình N đã hoàn thành bàn giao, biết dự phòng bảo hành công trình đã trích là 90.000.

**Yêu cầu:**Định khoản các nghiệp vụ trên và xử lý chênh lệch giữa số đã dự phòng và thực tế.

**Bài 8: 1.000 đ**

1. Nhập khâu lô hàng theo giá CIF 200.000 USD, thuế nhập khẩu 20%, VAT 10%. Sau khi kiểm nhận lô hàng được bán thẳng cho Công ty Y theo giá có VT 10% 297.000 USD. TGGD: 22,2; tỷ giá hải quan 22,1. Công ty nộp thuế bằng chuyển khoản VNĐ.

2. Y thanh toán 80% bằng USD chuyển khoản, 20% băng USD tiền mặt. TGGD: 22,21

3. Xuât kho lô hàng đi xuất khẩu có giá vốn 800.000

4. Lô hàng trên hoàn thành thủ tục xuất khẩu theo giá 50.000 USD. Cty đã nộp thuế xuất khẩu 5% bằng TM VNĐ. TGGD: 22,2; TG hải quan 22,1.

Yêu cầu: Định khoản

**Bài 9: Cty X có tình hình sau:**

1. Hoàn thành N.khẩu 1 ô tô dùng cho quản lý. Giá nhập 50.000 USD, thuế NK 30%, thuế TTDB 25%, thuế GTGT 10%. TGGD: 18, TG hải quan: 18,2. DN đã nộp thuế = TM VND.

2. Hoàn thành việc X.khẩu lô TP đã chuyển làn thủ tục hải quan tháng trước. Giá vốn: 200.000, giá X.khẩu 20.000, thuế X.khẩu 20%. TGGD: 18, TGHQ: 18,2. Cty đã nộp thuế X.khẩu = CK.

3. Nhận được thông báo của N.hàng đã hoàn thành thủ tục t.toán cho nhà X.khẩu ô tô = LC, biết tỷ giá ngày mở LC: 18. Phí N.hàng t.toán = CK 2.200 trong đó VAT 10%.

4. Nhận được thông báo của N.hàng về việc người N.khẩu t.toán 20.000 USD. TGGD: 18.

Yêu cầu: Định khoản

**Bài 10:**

1. XK H.hóa bán cho A giá vốn: 80.000, giá bán cả VAT 10%: 110.000. Sau khi trừ chiết khấu t.toán 1%, KH đã t.toán = TM. Cp v/c chi hộ A = TM theo giá cả VAT 10%: 2.200.

2. Mua H.hóa bán thẳng theo giá mua cả VAT 10%: 110.000, DN đã t.toán cho nhà cung cấp = CK sau khi trừ CKTT 2%. Giá bán cả VAT 10% 165.000, điều kiện t.toán tín dụng: 20 ngày, CK t.toán 2%.

3. Phát hành hóa đơn về khoản chi hộ A và được A t.toán = TM.

4. KH ở 2 khiếu nại, Cty chấp nhận giảm giá 10%.

5. Phân bổ chi phí mua hàng cho số hàng bán ra: 10.000

Yeu cầu: ĐK

**Bài 11: TK 133: 10.000**

1. Mua H.hóa nhập kho giá cả VAT 10% 440.000, DN chưa t.toán.

2. Bán H.hóa thu TM giá cả VAT 10% 385.000, giá mua của H.hóa xuất bán: 300.000.

3. Mua TSCĐ dùng cho h/động phúc lợi = quỹ phúc lợi. giá cả VAT 10% 220.000. DN đã t.toán = TM.

4. Phát hành HĐ hoa hồng đại lý cả VAT 10% cho Cty N 13.200.

5. Được người bán cho hưởng giảm giá hàng đã mua, hóa đơn điều chỉnh giá do người bán phát hành cả VAT 10%: 12.100.

6. Nhận được H.đơn trực tiếp về khoản chi tiếp khách 8.800. biết dịch vụ ăn uống chịu VAT 10%.

Y/c: ĐK các nghiệp vụ kể cả nghiệp vụ khấu trừ thuế.

**Bài 12: Cty A nhận X.khẩu ủy thác cho Cty B lô hàng X:**

1. Cty b xuất kho lô hàng X chuyển xuống cảng. Giá xuất kho của lô hàng: 600.000. Chi phí vận chuyển = CK: 4.200 trong đó VAT 5%.

2. Cty A đăng ký hoàn thành tờ khai hải quan cho lô hàng X, giá tính thuế 40.000 USD, tỷ giá tính thuế: 18/USD, thuế suất thuế X.khẩu: 5%. Cty A đã nộp thuế = CK VND và chuyển chứng từ nộp thuế cho Cty B.

3. Cty A hoàn thành việc chuyển lô hàng X lên tàu và được k.hàng chấp nhận t.toán: 40.000 USD. Chi phí liên quan đến việc X.khẩu lô hàng X mà Cty A phải chịu đã có Vat 10%: 5.500 đã trả = TM. TGTT: 18,2.

4. Cty A nhận được tiền của k.hàng nước ngoài t.toán lô hàng X: 40.000 USD. TGTT: 18,3.

Yêu cầu: ĐK tại từng Cty

**Bài 13:**

1. Vay ngân hàng để ký qỹ ngắn hạn: 10.000 USD, TGTT: 16,1

2. Vay ngắn hạn ngân hàng 30.000 USD để mở LC, TGTT: 16,2

3. Nộp thuế của lô hàng bằng CK VND, biết giá tính thuế 40.000 USD, thuế XK 5%, VAT 10%, TGTT 16,2

4. Tiếp nhận lô hàng tại cảng và chấp nhận thanh toán lô hàng cho nhà cung caapss nước ngoài 40.000 USD, TGTT: 16,15. Chi phí vận chuyển thanh toán bằng TM VND:5.500

5. Nhập lô hàng vào kho

6. Thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp bằng tiền ký quỹ và bằng LC, TGTT: 16,3

7. Xuất kho lô hàng bán cho cty X, giá bán chưa VAT 10%: 800.000, đã thu bằng chuyển khoản.

Yêu cầu: ĐỊnh khoản, kết chuyển, xác định kết quả

**Bài 14:** Công ty X tính VAT theo phương pháp khấu trừ, có tình hình về thi công hai công trình A,B trong Quý II/N như sau:

I. Giá trị công trình A dở dang:

- CP VLTT: 600.000

- CP NCTT: 300.000

- CP sử dụng MTC: 50.000

- CP SXC: 80.000

II. Các nghiệp vụ phát sinh:

1. Mua VLC xuất thẳng để thi công 2 công trình theo giá có VAT 10%: CTA: 220.000, CTB: 198.000

2. Xuất kho VLP để thi công CTA: 20.000, CTB: 10.000, quản lý đội: 5.000, quản lý DN: 5.000

3. Tính ra tiền lương phải trả CNV: công nhân trực tiếp thi công CTA: 100.000, CTB: 80.000, quản lý đội 50.000, lái máy thi công: 20.000, quản lý DN: 25.000

4. Trích trước tiền lương nghỉ phép của CNTT thi công CTQ: 5.000, CTB: 5.000

5. Trích các khoản theo lương theo tỷ lệ quy định

6. Phân bổ giá trị CCDC xuất dùng tháng trước (dài hạn) phục vụ quản lý đội: 10.000, máy thi công: 5.000, QLDN: 8.000

7. Trích khấu hao TSCĐ tại các bộ phận: quản lý đội: 40.000, máy thi công: 50.000; QLDN: 20.000

8. Mua bảo hiểm máy thi cộng: 5.000, bảo hiểm công trình: 10.000 bằng chuyển khoản.

9. Chi phí dịch vụ mua ngoài thanh toán bằng chuyển khoản theo giá cả VAT 10% phục vụ: quản lý đội: 9.900, máy thi công: 13.200, QLDN: 6.600.

10. Cuối kỳ, CTA hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư, CTB còn dở dang. Giá quyết toán của CTA được duyệ có VAT 10%: 2.090.000. Chủ đầu tư giữ lại 5% trên giá thanh toán để bảo hành công trình trong 2 năm, số còn lại trả bằng CK.

Yêu cầu:

1. Phân bổ CPSXC và CP sử dụng MTC cho 2 công trình theo CP VLC phát sinh trong kỳ.

2. Lập Bảng tính giá thành công trình A theo hạng mục